

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 287/2019/DS-ST;
Ngày: 19/9/2019;
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH TIỀN GIANG**

- TKnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Thu Thủy**;

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Võ Văn Chiến**;

2/ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Tuyết Hằng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 211/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐXX-ST ngày 15/8/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Lê Thị Mộng A** – sinh năm: 1960;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Trần Quang D** - sinh năm: 1980;

Đặng Thị Hồng L - sinh năm 1980

Cùng ngụ: ấp M, xã C, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Đỗ Vĩnh H - sinh năm 1993;

Lưu Thị Minh K - sinh năm 1986;

Cùng ngụ: ấp F, xã C, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

(Bà Mộng A có mặt, các đương sự khác vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Mộng A trình bày: Lưu Thị Minh K là con dâu của bà Mộng A. Trước đây bà là chủ đại thức ăn tại xã C nhưng bà để chị Minh K trực tiếp đứng bán. Trước đây, anh Trần Quang D và chị Hồng L có thỏa thuận miệng mua bán với chị Minh K, theo hình thức nợ gởi đầu, khi nào bán heo vợ chồng anh D phải thanh toán lại tiền cho chị Minh K. Tính đến ngày 05/4/2016, vợ chồng anh D còn nợ lại chị Minh K số tiền 99.511.000 đồng, có biên

nhận kèm theo. Do còn nợ tiền nên chị Minh K không đồng ý bán thức ăn cho vợ chồng anh D. Vì vậy vợ chồng anh D đã đến gặp bà Mộng A để thỏa thuận được mua thức ăn tiếp. Do chị Minh K làm ăn thất bại nên đã giao lại toàn bộ việc mua bán cho bà Mộng A nên bà, chị K và vợ chồng anh D thống nhất bà Mộng A sẽ tiếp tục bán thức ăn cho vợ chồng anh D; đồng thời vợ chồng anh D cũng có nghĩa vụ trả số nợ năm 2016 cho bà Mộng A nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không có giấy tờ. Từ tháng 4/2016 đến ngày 20/6/2017, vợ chồng anh D nợ bà Mộng A số tiền mua bán thức ăn là 108.649.000 đồng; tổng cộng hai khoản nợ là 208.160.000 đồng. Nay bà yêu cầu chị Hồng L và anh D trả cho bà số tiền 208.160.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 24/7/2019, bà có đơn yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với chị Hồng A và anh D về số tiền 99.511.000 đồng. Bà chỉ yêu cầu bị đơn trả cho bà số tiền 108.649.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Đặng Thị Hồng L trình bày: Chị là vợ của anh Trần Quang D. Trước đây vợ chồng chị có mua bán thức ăn với con dâu của bà Mộng A là chị Lưu Thị Minh K. Tính đến ngày 05/4/2016 thì vợ chồng chị còn nợ của chị K số tiền là 99.511.000 đồng, có viết biên nhận kèm theo. Lúc này, chị K không chịu bán thức ăn cho vợ chồng chị nữa nên vợ chồng chị có năn nỉ bà Mộng A tiếp tục bán thức ăn cho vợ chồng chị để có tiền trả số nợ còn thiếu trước kia. Vì vậy bà Mộng A đồng ý tiếp tục bán thức ăn cho vợ chồng chị. Tính đến ngày 20/6/2017, vợ chồng chị còn nợ số tiền mua bán thức ăn là 208.160.000 đồng, trong đó bao gồm cả số nợ của chị K. Nay với yêu cầu khởi kiện của bà Mộng A, vợ chồng chị đồng ý trả nợ của bà Mộng A nhưng xin được trả dần mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ. Đối với số nợ của chị K, vợ chồng chị chỉ đồng ý trả cho chị K.

* Bị đơn anh Trần Quang D trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đỗ Thị Hồng L.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ A quan anh Đỗ Vĩnh H trình bày: Anh là con của bà Mộng A. Từ đầu năm 2018, anh có đứng tên giấy phép kinh doanh mua bán thức ăn gia súc tại chợ C nhưng từ trước cho đến nay bà Mộng A là người trực tiếp bán thức ăn. Việc mua bán giữa bà Mộng A và vợ chồng anh D, anh để bà A quyết định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, về nội dung vụ án xét thấy: Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền 99.511.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ; đối với số tiền 108.649.000 đồng bị đơn nợ tiền thức ăn của nguyên đơn nhưng không thanh toán tiền là vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên mua nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị Mộng A khởi kiện yêu cầu anh Trần Quang D và chị Đặng Thị Hồng L trả cho bà Mộng A số tiền mua bán thức ăn còn nợ là 108.649.000 đồng, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Chị Đặng Thị Hồng A, anh Trần Quang D và chị Lưu Thị Minh K đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Hồng A, anh D và chị K. Đối với anh Đỗ Vĩnh H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Tại phiên tòa, bà Mộng A xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về số tiền 99.511.000 đồng theo biên nhận ngày 05/4/2016 giữa anh Trần Quang D và chị Lưu Thị Minh K. Xét thấy việc bà Mộng A rút một phần yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 BLTTDS nên HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu của bà Mộng A theo quy định.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn, Tòa xét thấy: Tại biên bản hòa giải ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện N, chị Hồng L và anh D thừa nhận tính đến ngày 20/6/2017 vợ chồng bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền mua bán thức ăn là 208.160.000 đồng, trong đó bao gồm số tiền 99.511.000 đồng mà vợ chồng bị đơn nợ chị Minh K theo biên nhận ngày 05/4/2016. Như vậy có đủ cơ sở kết luận tính đến 20/6/2017, chị Hồng L và anh D còn nợ lại bà Mộng A số tiền mua bán thức ăn là 108.649.000 đồng. Việc bị đơn nợ tiền thức ăn của nguyên đơn nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về thời gian trả tiền: Chị Hồng L và anh D yêu cầu được trả dần tuy nhiên xét thấy việc trả dần sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn, đồng thời tại phiên tòa nguyên đơn cũng không đồng ý nên ý kiến xin trả dần của bị đơn Tòa án không chấp nhận.

[6] Về án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 430, Điều 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng A đối với anh Trần Quang D và chị Đặng Thị Hồng L.

Buộc anh Trần Quang D và chị Đặng Thị Hồng L có nghĩa vụ A đổi trả cho bà Lê Thị Mộng A số tiền là 108.649.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn đồng). Thời gian trả: Khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mộng A đối với anh Trần Quang D và chị Đặng Thị Hồng L về số tiền 99.511.000 đồng (Chín mươi chín triệu năm trăm mười một ngàn đồng) theo biên nhận ngày 05/4/2016 giữa anh Trần Quang D và chị Lưu Thị Minh K.

3. Về án phí: Anh Trần Quang D và chị Đặng Thị Hồng L phải chịu 5.432.000 đồng (Năm triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Mộng A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.204.000 đồng (Năm triệu hai trăm lẻ bốn ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002545 ngày 14/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy